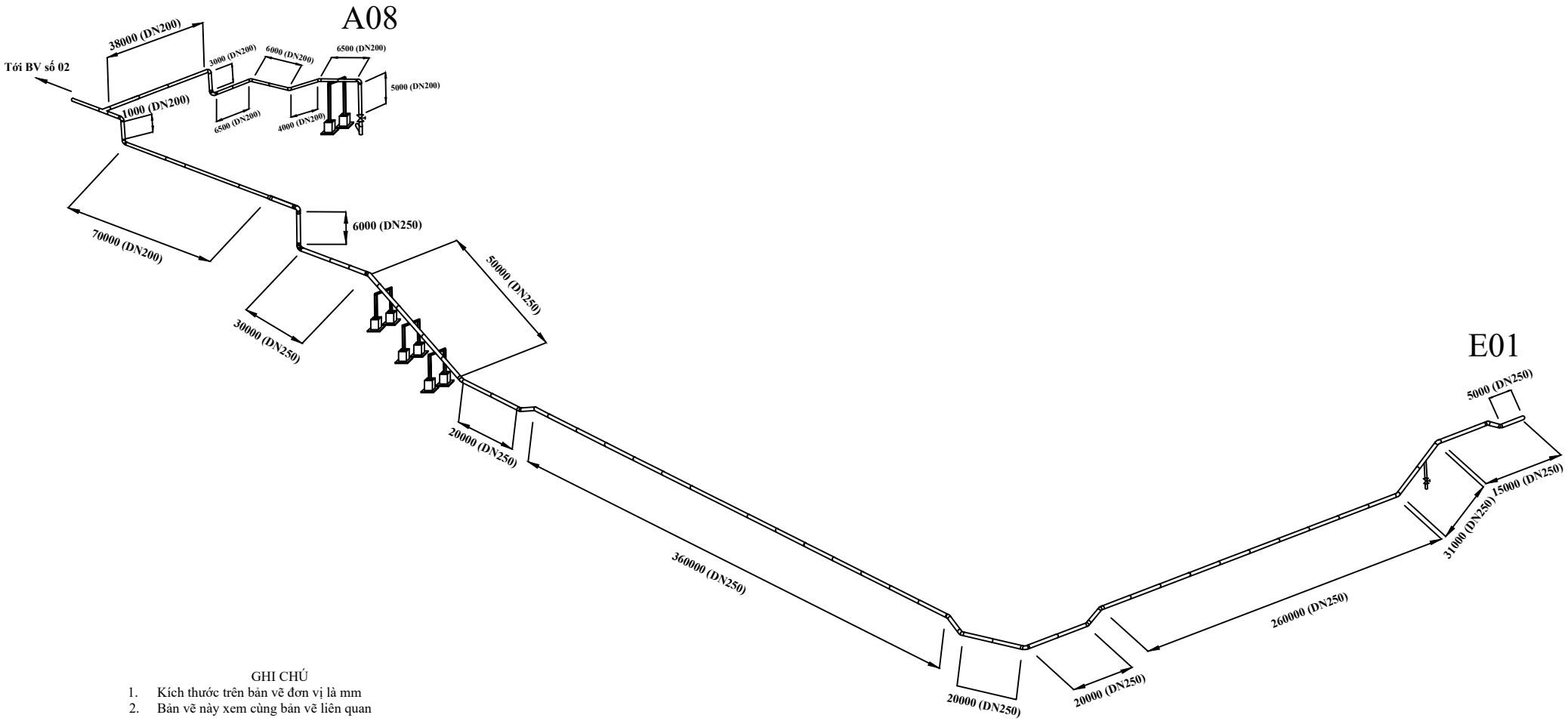

GHI CHÚ

1. Kích thước trên bản vẽ đơn vị là mm
2. Bản vẽ này xem cùng bản vẽ liên quan

STT	Tên	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép ống đúc	DN250x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB	Mét	812	
2	Thép ống đúc	DN200x6000mm; SCH30; Vật liệu A106 GrB	Mét	140	
3	Co thép 90°	DN250; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	2	
4	Co thép 45°	DN250; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	13	
5	Co thép 90°	DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	5	
6	Co thép 45°	DN200; SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	3	
7	Mặt bích	DN250, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Cái	18	
8	Mặt bích	DN200, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Cái	2	
9	Mặt bích	DN100, BS4504, PN16, PLRF, vật liệu SS400	Cái	2	
10	Van Bướm	DN200; PN16; WCB; D343Y-16C	Cái	1	
11	Van Bướm	DN100; PN16; WCB; D343Y-16C	Cái	1	
12	Côn giảm	DN250x200 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	1	
13	T đều	DN200 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	2	
14	T Giảm	DN250x100 SCH30; Vật liệu A234 GrB	Cái	1	

Nhiệm vụ	Họ và tên	Ngày	Ký tên	BẢN VẼ TUYẾN ĐƯỜNG ỐNG TỪ E01 VỀ A08
P.GĐ	Trần Tiến Dũng			
Kiểm tra	Phan Văn Thụy			
Người vẽ	Đinh Văn Hai	10.11.2024		

CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Ký hiệu bản vẽ	Tờ số	Tỉ lệ:
ĐOTHK-E01	Số: 01/04	